

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ  
và CÁC CÔNG TY CON**

*Báo cáo tài chính hợp nhất*

*Quý 4/2016 và năm 2016*



## MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	4
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	5 - 22

11/1/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỤ**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>501.418.617.162</b>	<b>463.683.486.927</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.265.433.213</b>	<b>10.518.334.990</b>
1. Tiền	111	V.01	4.265.433.213	10.518.334.990
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>411.830.149.240</b>	<b>414.496.485.288</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	24.985.894.284	30.093.254.188
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	106.221.692.542	186.823.405.519
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	282.257.027.709	195.392.842.120
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(3.579.298.655)	(463.829.000)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	1.944.833.360	2.650.812.461
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.07	<b>71.195.676.287</b>	<b>21.181.034.063</b>
1. Hàng tồn kho	141		71.195.676.287	21.181.034.063
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.127.358.422</b>	<b>17.487.632.585</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	308.756.089	16.943.939
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.819.201.437	13.097.064.646
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	2.999.400.896	4.373.624.000
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>323.836.840.647</b>	<b>308.807.140.347</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.779.569.171</b>	<b>12.593.364.655</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	8.397.429.171	13.310.653.310
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	2.382.140.000	2.398.181.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	-	(3.115.469.655)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>51.827.497.534</b>	<b>31.280.481.259</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	28.871.719.953	5.774.061.726
- Nguyên giá	222		33.305.270.848	7.655.620.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.433.550.895)	(1.881.558.483)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	22.955.777.581	25.506.419.533
- Nguyên giá	225		25.506.419.533	25.506.419.533
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.550.641.952)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>212.853.168.951</b>	<b>256.586.675.144</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	212.853.168.951	256.586.675.144
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>48.376.604.991</b>	<b>8.346.619.289</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	48.376.604.991	8.346.619.289
2. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>825.255.457.809</b>	<b>772.490.627.274</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>214.398.028.369</b>	<b>172.158.066.171</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>153.516.059.167</b>	<b>145.883.345.961</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	16.476.214.960	34.196.815.744
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	992.137.248	8.322.726.648
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	16.938.678.361	24.132.882.644
4. Phải trả người lao động	314		1.482.707.600	1.326.078.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	57.595.569.594	56.275.541.983
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	24.274.295.467	15.673.370.052
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	35.756.455.937	5.955.930.765
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>60.881.969.202</b>	<b>26.274.720.210</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	60.881.969.202	26.274.720.210
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.18	<b>610.857.429.440</b>	<b>600.332.561.103</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>610.857.429.440</b>	<b>600.332.561.103</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576.800.000.000	576.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576.800.000.000	576.800.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.513.850.901	20.285.022.626
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.285.022.627	9.409.298.925
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.228.828.274	10.875.723.701
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.543.578.539	3.247.538.477
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>825.255.457.809</b>	<b>772.490.627.274</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Thị Hương  
 Người lập biểu



Lê Văn Thật  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 02 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 4		LŨY KẾ ĐẾN QUÝ 4	
			Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		23.610.324.414	40.234.547.050	140.474.799.822	122.770.369.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		11.503.624	-	37.372.562	20.077.265.319
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.01</b>	<b>23.598.820.790</b>	<b>40.234.547.050</b>	<b>140.437.427.260</b>	<b>102.693.104.014</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	27.790.685.303	31.507.505.714	115.069.591.243	48.056.692.275
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(4.191.864.513)</b>	<b>8.727.041.336</b>	<b>25.367.836.018</b>	<b>54.636.411.739</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.464.080.933	13.901.745	2.143.518.129	156.012.801
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	429.605.506	159.575.995	4.601.483.785	1.160.974.359
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(9.724.857)	159.575.995	4.037.449.304	1.154.715.339
8. Phần lãi / (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	1.953.396.057	2.424.031.924	9.984.438.956	4.891.510.956
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	(1.201.076.096)	4.530.006.272	10.605.191.584	16.211.833.293
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(3.909.709.046)</b>	<b>1.627.328.890</b>	<b>2.320.239.822</b>	<b>32.528.105.932</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.07	7.778.192.712	25.104.160	7.778.232.768	62.097.062
13. Chi phí khác	32	VI.08	(841.739.741)	7.914.400	611.698.857	16.348.755.341
<b>14. Lợi nhuận khác / (lỗ)</b>	<b>40</b>		<b>8.619.932.453</b>	<b>17.189.760</b>	<b>7.166.533.911</b>	<b>(16.286.658.279)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.710.223.407</b>	<b>1.644.518.650</b>	<b>9.486.773.733</b>	<b>16.241.447.653</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	80.544.674	408.284.156	40.405.396	5.478.185.473
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4.629.678.733</b>	<b>1.236.234.494</b>	<b>9.446.368.337</b>	<b>10.763.262.180</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		4.646.892.139	1.236.234.494	10.228.828.274	10.875.723.703
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát / (lỗ)	62		(17.213.407)	-	(782.459.937)	(112.461.523)
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.10</b>	<b>81</b>	<b>21</b>	<b>177</b>	<b>278</b>
<b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.11</b>	<b>119</b>	<b>21</b>	<b>177</b>	<b>278</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Thị Hương

Người lập biểu



Lê Văn Thật

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng

Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 02 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>9.486.773.733</b>	<b>16.241.447.652</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.102.634.363	794.302.755
Các khoản dự phòng	03	-	3.579.298.655
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(1.433.099)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.474.587.707)	(135.264.394)
Chi phí lãi vay	06	4.037.449.304	1.154.715.339
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>17.152.269.694</b>	<b>21.633.066.908</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	9.595.561.595	(244.978.436.390)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(50.014.642.223)	(17.635.590.825)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(18.002.991.040)	113.387.587.770
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(40.321.797.852)	(8.355.711.864)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.794.175.626)	(1.407.151.854)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.370.000.000)	(11.774.928.306)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(88.755.775.453)</b>	<b>(149.131.164.561)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	18.083.855.554	(75.809.742.739)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.243.957	135.264.394
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>18.095.099.511</b>	<b>(73.674.478.345)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	216.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	129.481.637.739	25.828.964.544
Tiền trả nợ gốc vay	34	(61.556.809.727)	(9.521.061.648)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3.517.053.848)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>64.407.774.164</b>	<b>232.307.902.896</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(6.252.901.778)</b>	<b>9.502.259.989</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>10.518.334.990</b>	<b>1.014.646.642</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.428.359
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4.265.433.213</b>	<b>10.518.334.990</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Thị Hương  
Người lập biểu



Lê Văn Thật  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 02 năm 2017

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Công nghiệp Bảo Thu ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 17 ngày 11/5/2015.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Công ty là 576,8 tỷ đồng

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Bao Thu Industrial Development and Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: BIDICO.

Trụ sở chính đặt tại: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Chi nhánh tại TP.HCM và Chi nhánh Đồng Nai.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác - sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác, chế biến khoáng sản); Bốc xếp hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạo; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất (trừ bán buôn thuốc BVTV); Bán buôn đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng);

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Đối với hoạt động xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp: trên 12 tháng

- Đối với hoạt động khác: trong vòng 12 tháng

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số các Công ty con: 13 Công ty.

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 9 Công ty.

- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 4 Công ty (do chưa góp vốn và chưa đi vào hoạt động).

- Số lượng Công ty liên kết không được hợp nhất: 1 Công ty (do chưa góp vốn và chưa đi vào hoạt động).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Danh sách các Công ty con được hợp nhất**

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát BIDICO	CCN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Xây dựng, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Xây dựng, dịch vụ	80,00%	80,00%
Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu	Tầng 18, tòa nhà Pegasus, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, TP Biên Hòa, Đồng Nai	Dịch vụ	94,34%	94,34%
Công ty TNHH Vận tải Thắng Hải	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Dịch vụ	52,00%	52,00%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Thôn Bàu Diên (Cụm CN Thắng Hải), xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Nông sản Việt Xanh	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Sản xuất, dịch vụ	52,00%	52,00%
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Lam Sơn	KCN Phú Mỹ 1, Thị Trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	51,00%	51,00%

**Danh sách các Công ty con không được hợp nhất**

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Trồng trọt Công nghệ cao Đồng Nai	Số 242, hẻm 25, đường Võ Thị Sáu, khu 12, xã Long Đức, Long Thành, Đồng Nai	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Pigment & Nano Titan Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Khai thác, xây dựng, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Bình Thuận	Cụm CN Tân Bình, xã Tân Bình, thị xã Lagi, Bình Thuận	Khai thác, chế biến, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng WIBAWA Bảo Thư	A4-02 khu Nam Thiên 1, đường Phạm Thái Bường, phường Tân Phong, quận 7, TP.HCM	Xây dựng, khai thác, dịch vụ	52,00%	52,00%





# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Danh sách các Công ty liên kết

Công ty TNHH Titan Bình Thuận	Cụm CN Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	28,00%	28,00%
-------------------------------	---	---	--------	--------

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư và các Công ty con ("Nhóm Công ty") cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

### 2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

### 3. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười năm.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 10 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
Dụng cụ quản lý	03 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê

#### Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phân ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thăng Hải 2
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

### 10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

### 11. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp** được ghi nhận một lần khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Công ty cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

**Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia** của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Thu nhập khác:** bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xây ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

### 16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

### 17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

#### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

### 19. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2016	01/01/2016
<b>1. Tiền</b>		
Tiền mặt	816.503.804	219.545.727
Tiền gửi ngân hàng	3.448.929.409	10.298.789.263
<b>Cộng</b>	<b>4.265.433.213</b>	<b>10.518.334.990</b>
<b>2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	24.047.100.000	-
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	-	28.614.120.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	938.794.284	1.479.134.188
<b>Cộng</b>	<b>24.985.894.284</b>	<b>30.093.254.188</b>
<b>3. Trả trước cho người bán</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	-	59.099.001.577
- Công ty TNHH DV VT XD Á Châu	-	3.905.512.042
- Công ty TNHH Nguyên liệu Gốm Sứ - Xây dựng Thiên Lợi	75.000.000.000	75.000.000.000
- Công ty CP Dịch vụ XNK Nhật Minh	-	6.500.000.000
- Công ty TNHH VLXD Phước Bình	20.000.000.000	40.000.000.000
- Công ty TNHH Vận tải và Xây lắp Phan Nguyễn	2.158.700.000	-
- Trả trước nhà cung cấp khác	9.062.992.542	2.318.891.900
<b>Cộng</b>	<b>106.221.692.542</b>	<b>186.823.405.519</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công ty TNHH DV VT XD Á Châu	4.844.717.211	-
- Trung tâm Quy hoạch và Đầu tư Tài nguyên Nước	1.265.000.000	1.265.000.000
- Công ty TNHH Chế biến Zircon Bình Thuận	-	10.000.000.000
- Công ty TNHH SX SX TM Hoàng Thông	1.263.192.000	1.263.192.000
- Trả trước nhà cung cấp khác	1.024.519.960	782.461.310
<b>Cộng</b>	<b>8.397.429.171</b>	<b>13.310.653.310</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Phải thu khác	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA liên quan đến khoản trả trước do không tiếp tục thực hiện hợp đồng	-	-	15.704.000.000	-
- Phải thu Công ty TNHH Đầu tư Nam Việt Quốc liên quan đến khoản nhận chuyển nhượng cổ phần	142.100.000.000	-	-	-
- Phải thu Công ty TNHH Đầu tư Nam Việt Quốc	8.576.343.750	-	-	-
- Khoản ứng vốn đến Ông Phan Châu liên quan đến tiền mua đất mỏ cát Tân Hà	648.150.000	-	648.150.000	-
- Các khoản cho mượn tiền đến các tổ chức và cá nhân	19.209.647.000	-	8.268.801.033	-
- Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	-	-	237.200.000	-
- Các khoản tạm ứng	109.760.029.695	-	167.610.302.733	-
+ Ông Trần Thanh Minh	-	-	83.062.521.000	-
+ Ông Trần Thanh Sơn	-	-	30.000.000.000	-
+ Ông Phạm Ngọc An	-	-	22.021.853.657	-
+ Ông Võ Kim Nguyên	84.733.680.000	-	30.000.000.000	-
+ Ông Võ Phú Nông	20.000.000.000	-	-	-
+ Các đối tượng khác	5.026.349.695	-	2.525.928.076	-
- Thuế GTGT liên quan đến TSCĐ thuế tài chính	1.792.087.243	-	2.348.636.363	-
- Thuế GTGT chờ kê khai	-	-	551.532.091	-
- Phải thu khác	170.770.021	-	24.219.900	-
<b>Cộng</b>	<b>282.257.027.709</b>	<b>-</b>	<b>195.392.842.120</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Khoản ký quỹ cho Hợp đồng thuê tài chính	2.215.520.000	-	2.215.520.000	-
- Ký quỹ, đặt cọc dài hạn	166.620.000	-	182.661.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.382.140.000</b>	<b>-</b>	<b>2.398.181.000</b>	<b>-</b>
<b>5. Tài sản thiếu chờ xử lý</b>			<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
- Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khu cảng Lagi chưa được tập hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ			-	1.450.812.461
- Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khoản góp vốn mua cổ phần tại Anata Bình Định			-	1.200.000.000
- Tài sản thiếu chờ xử lý khác			1.944.833.360	-
<b>Cộng</b>			<b>1.944.833.360</b>	<b>2.650.812.461</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nợ xấu	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	463.829.000	-	TT Quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước	463.829.000	-	TT Quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước
- Các khoản trả trước người bán quá hạn từ 1- 2 năm	390.367.310	-	Các đối tượng khác	390.367.310	-	Các đối tượng khác
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 3 năm	1.263.192.000	-	Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông	1.263.192.000	-	Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông
	1.265.000.000	-	TT Quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước	1.265.000.000	-	TT Quy hoạch và ĐT Tài nguyên nước
	392.094.000	-	Các đối tượng khác	392.094.000	-	Các đối tượng khác
<b>Cộng</b>	<b>3.774.482.310</b>	<b>-</b>		<b>3.774.482.310</b>	<b>-</b>	

7. Hàng tồn kho	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	393.337.964	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	853.202.598	-	185.612.397	-
- Thành phẩm	153.726.185	-	103.373.923	-
- Hàng hóa	1.860.921.533	-	20.892.047.743	-
- Hàng hóa bất động sản (*)	67.934.488.007	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>71.195.676.287</b>	<b>-</b>	<b>21.181.034.063</b>	<b>-</b>

(\*) Hàng hóa bất động sản là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cùng các chi phí liên quan đến khu cảng Lagi, Công ty đang có kế hoạch chuyển nhượng khu cảng này.

8. Tài sản cố định thuê tài chính	01/01/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
Nguyên giá	25.506.419.533	-	-	25.506.419.533
Khấu hao	-	2.550.641.952	-	2.550.641.952
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>25.506.419.533</b>			<b>22.955.777.581</b>

Tài sản cố định thuê tài chính tăng kể từ ngày 23/12/2015 là 10 chiếc ô tô đầu kéo Hyundai và 10 Mooc ben tự đổ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00226-000 ngày 20/11/2015. Thời hạn thuê là 60 tháng, thời gian khấu hao của Công ty là 120 tháng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý và TSCĐ khác	Cộng
Số dư đầu năm	2.587.838.391	2.791.150.000	2.231.290.909	45.340.909	7.655.620.209
Tăng trong năm	12.633.994.382	6.797.382.553	2.951.073.636	3.267.200.068	25.649.650.639
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.221.832.773</b>	<b>9.588.532.553</b>	<b>5.182.364.545</b>	<b>3.312.540.977</b>	<b>33.305.270.848</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	868.948.605	566.453.686	429.783.085	16.373.108	1.881.558.483
Khấu hao trong năm	782.873.402	1.122.624.842	401.975.520	244.518.648	2.551.992.412
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.651.822.007</b>	<b>1.689.078.528</b>	<b>831.758.605</b>	<b>260.891.756</b>	<b>4.433.550.895</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	1.718.889.786	2.224.696.314	1.801.507.824	28.967.801	5.774.061.726
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>13.570.010.766</b>	<b>7.899.454.025</b>	<b>4.350.605.940</b>	<b>3.051.649.221</b>	<b>28.871.719.953</b>

Tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành.

Tại ngày 31/12/2016, tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 466.200.000 đồng.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016	01/01/2016
Nhà máy Cát	-	20.443.044.636
Cụm công nghiệp Thăng Hải I	25.160.967.839	64.171.892.648
Cụm công nghiệp Thăng Hải II	96.065.411.795	95.652.877.965
Cụm công nghiệp Tân Bình	6.454.772.185	3.631.535.154
Khu chuyên tải Lagi - Bình Thuận	-	66.284.893.060
Công trình nhà máy gạch Tuynel Bidico	56.461.844.695	636.363.636
Công trình nhà máy viên nén gỗ	24.670.193.657	-
Mua sắm máy móc thiết bị	1.609.218.748	5.515.320.909
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	2.430.760.032	250.747.136
<b>Cộng</b>	<b>212.853.168.951</b>	<b>256.586.675.144</b>

**11. Chi phí trả trước**

	31/12/2016	01/01/2016
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ	308.756.089	16.943.939
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ	7.000.060.927	7.000.060.927
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ	1.603.198.145	-
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thăng Hải 2	590.940.648	1.311.489.900
- Quyền sử dụng đất chờ phân bổ	39.102.530.808	-
- Công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ	79.874.462	35.068.462
<b>Cộng</b>	<b>48.376.604.991</b>	<b>8.346.619.289</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận	-	-	28.941.000.000	28.941.000.000
- Công ty TNHH MTV Máy móc Nam Anh	2.645.268.960	2.645.268.960	-	-
- Công ty CP Dịch vụ XNK Nhật Minh	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH XNK T&G Trường Giang	3.255.820.000	3.255.820.000	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	7.575.126.000	7.575.126.000	5.255.815.744	5.255.815.744
<b>Cộng</b>	<b>16.476.214.960</b>	<b>16.476.214.960</b>	<b>34.196.815.744</b>	<b>34.196.815.744</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2016	01/01/2016
<b>a) Phải nộp</b>		
- Thuế GTGT	1.065.510.091	7.451.158.431
- Thuế TNDN	3.362.803.122	8.367.138.010
- Thuế TNCN	160.350.709	84.505.171
- Tiền thuê đất	183.275.026	561.029.480
- Thuế tài nguyên	2.725.682.255	1.836.900.830
- Thuế khác	4.500.000	-
- Các khoản phạt và chậm nộp thuế	9.436.557.158	5.832.150.722
<b>Cộng</b>	<b>16.938.678.361</b>	<b>24.132.882.644</b>
<b>b) Phải thu</b>		
- Ứng tiền làm cơ sở hạ tầng	-	(3.370.000.000)
- Ứng tiền thi công hệ thống đèn chiếu sáng và hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Thăng Hải	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
- Thuế Xuất khẩu	(3.624.000)	(3.624.000)
- Thuế GTGT nộp dư	(1.995.776.896)	-
<b>Cộng</b>	<b>(2.999.400.896)</b>	<b>(4.373.624.000)</b>

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải I liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	13.213.829.846	13.213.829.846
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải II liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	23.779.248.760	23.779.248.760
- Tiền thuê đất CCN Thăng Hải I và II phải trả	19.167.940.077	19.167.940.077
- Chi phí lãi vay phải trả	247.989.278	4.715.600
- Chi phí dịch vụ phải trả khác	1.186.561.634	109.807.700
<b>Cộng</b>	<b>57.595.569.594</b>	<b>56.275.541.983</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỤ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2016	01/01/2016
- Tài sản thừa chờ xử lý	171.551.781	427.308.981
- Bảo hiểm bắt buộc phải nộp	155.785.550	15.678.000
- Phải trả Bà Nguyễn Thị Mai liên quan đến khoản tiền mượn	8.391.905.082	2.679.923.537
- Phải trả Ông Nguyễn Văn Dũng liên quan đến khoản tiền mượn	5.871.998.000	1.200.000.000
- Phải trả tiền mượn từ các cá nhân khác	3.422.295.358	-
- Phải trả Công ty CP SX XNK Ánh Lửa Việt	100.000.000	100.000.000
- Phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mô cát trắng Tân Phước	1.164.718.000	-
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải I	-	1.293.041.952
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải II	-	6.803.933.715
- Thuế GTGT đầu ra phải nộp chưa xuất hóa đơn	1.793.041.952	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.202.999.745	3.153.483.868
<b>Cộng</b>	<b>24.274.295.468</b>	<b>15.673.370.052</b>

**17. Vay và nợ thuế tài chính**

	01/01/2016		Trong kỳ		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	-	57.832.000.000	41.102.000.000	16.730.000.000	16.730.000.000
- NH TMCP An Bình	-	-	8.151.273.280	8.151.273.280	-	-
- NH TMCP Sài Gòn (SCB)	-	-	2.019.835.086	-	2.019.835.086	2.019.835.086
- Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn	5.955.930.765	5.955.930.765	-	-	17.006.620.851	17.006.620.851
<b>Cộng</b>	<b>5.955.930.765</b>	<b>5.955.930.765</b>	<b>68.003.108.366</b>	<b>49.253.273.280</b>	<b>35.756.455.937</b>	<b>35.756.455.937</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	303.200.000	303.200.000	-	119.240.000	183.960.000	183.960.000
- NH TMCP Phát triển TP.HCM	8.003.894.079	8.003.894.079	-	8.003.894.079	-	-
- NH TMCP XNK Việt Nam	458.000.000	458.000.000	-	110.400.000	347.600.000	347.600.000
- NH TMCP Sài Gòn (SCB)	-	-	61.478.529.373	4.070.002.368	57.408.527.005	57.408.527.005
- Nợ thuế tài chính tại VILC	23.465.556.896	23.465.556.896	-	3.517.053.848	19.948.503.048	19.948.503.048
- Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn	(5.955.930.765)	(5.955.930.765)	-	-	(17.006.620.851)	(17.006.620.851)
<b>Cộng</b>	<b>26.274.720.210</b>	<b>26.274.720.210</b>	<b>61.478.529.373</b>	<b>15.820.590.295</b>	<b>60.881.969.202</b>	<b>60.881.969.202</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**18. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2015	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	328.000.000.000	248.800.000.000	-	576.800.000.000
LNST chưa phân phối	42.209.298.924	10.875.723.702	32.800.000.000	20.285.022.626
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	3.247.538.477	-	3.247.538.477
<b>Cộng</b>	<b>370.209.298.924</b>	<b>262.923.262.179</b>	<b>32.800.000.000</b>	<b>600.332.561.103</b>

	01/01/2016	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2016
Vốn góp của chủ sở hữu	576.800.000.000	-	-	576.800.000.000
LNST chưa phân phối	20.285.022.626	10.228.828.274	-	30.513.850.901
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	3.247.538.477	296.040.063	-	3.543.578.539
<b>Cộng</b>	<b>600.332.561.103</b>	<b>10.524.868.337</b>	<b>-</b>	<b>610.857.429.440</b>

**b) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.680.000	57.680.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.680.000	57.680.000
+ Cổ phiếu phổ thông	57.680.000	57.680.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.680.000	57.680.000
+ Cổ phiếu phổ thông	57.680.000	57.680.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

**19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất**

Ngoại tệ các loại:	31/12/2016	01/01/2016
- USD	1,172.34	2,032.70
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>1.434.533.208</b>	<b>1.434.533.208</b>

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
- Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	140.474.799.822	59.119.018.558
- Doanh thu hoạt động cho thuê đất	-	63.651.350.775
<b>Cộng doanh thu</b>	<b>140.474.799.822</b>	<b>122.770.369.333</b>
- Các khoản giảm trừ doanh thu	(37.372.562)	(20.077.265.319)
- Chiết khấu thương mại	(37.372.562)	-
- Hàng bán bị trả lại (thanh lý hợp đồng cho thuê đất)	-	(20.077.265.319)
<b>Cộng</b>	<b>140.437.427.260</b>	<b>102.693.104.014</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm 2016	Năm 2015
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	115.069.591.243	37.231.927.053
- Giá vốn hoạt động cho thuê đất	-	22.871.124.414
- Giá vốn hàng bán trả lại	-	(12.046.359.192)
<b>Cộng</b>	<b>115.069.591.243</b>	<b>48.056.692.275</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	11.243.957	15.264.394
- Lãi ứng trước tiền	1.463.343.750	-
- Lãi cho vay	-	120.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	668.930.422	20.748.407
<b>Cộng</b>	<b>2.143.518.129</b>	<b>156.012.801</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
- Chi phí lãi vay	4.037.449.304	1.154.715.339
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	485.292.035	6.259.020
- Chi phí tài chính khác	78.742.446	-
<b>Cộng</b>	<b>4.601.483.785</b>	<b>1.160.974.359</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân viên	357.229.227	1.029.371.938
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	18.750.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (chủ yếu là chi phí vận chuyển)	9.609.553.979	3.782.017.018
- Chi phí khác bằng tiền	17.655.750	61.372.000
<b>Cộng</b>	<b>9.984.438.956</b>	<b>4.891.510.956</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	4.665.274.761	3.881.272.752
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	121.753.860	124.473.898
- Chi phí khấu hao TSCĐ	762.392.288	540.213.609
- Thuế, phí và lệ phí	39.668.595	37.180.237
- Chi phí dự phòng	-	3.579.298.655
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (chủ yếu chi phí tiền điện, bảo vệ, thuê văn phòng, chi phí tư vấn,...)	2.512.725.928	5.940.908.960
- Chi phí khác bằng tiền	2.503.376.152	2.108.485.182
<b>Cộng</b>	<b>10.605.191.584</b>	<b>16.211.833.293</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm 2016	Năm 2015
<b>7. Thu nhập khác</b>		
- Thu nhập từ xử lý chênh lệch về thuế phải nộp các năm trước	3.298.923.609	-
- Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	4.263.000.000	-
- Thu nhập từ khoản công nợ không phải trả	206.180.503	-
- Thu nhập khác	10.128.657	62.097.062
<b>Cộng</b>	<b>7.778.232.768</b>	<b>62.097.062</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
- Tiền thuê đất Cảng Lagi từ năm 2009 đến 31/12/2015	-	275.827.675
- Giảm doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng năm 2013	-	3.092.578.876
- Chi phí phạt chậm nộp thuế	-	1.295.745.616
- Giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	-	46.770.105
- Xử lý công nợ tồn đọng, không có khả năng thu hồi	-	1.434.533.208
- Chi phí vận chuyển liên quan đến cát xây dựng đã bán trong năm 2012	-	5.213.894.400
- Chi phí mỏ cát Tân Hà không còn thực hiện	-	4.687.046.377
- Chi phí phát sinh tại xưởng chế biến Đá Thạch Anh	-	189.873.339
- Chi phí không hợp lệ	372.992.000	-
- Chi phí khác	238.706.857	112.485.745
<b>Cộng</b>	<b>611.698.857</b>	<b>16.348.755.341</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh tại:</b>		
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư	40.405.396	5.105.139.371
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	-	373.046.102
<b>Cộng</b>	<b>40.405.396</b>	<b>5.478.185.473</b>
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.228.828.274	10.875.723.703
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.228.828.274	10.875.723.703
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	57.680.000	39.139.288
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>177</b>	<b>278</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm 2016	Năm 2015
<b>11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ sở hữu cổ phần phổ thông	10.228.828.274	10.875.723.703
- Lãi của trái phiếu chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	10.228.828.274	10.875.723.703
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	57.680.000	39.139.288
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	57.680.000	39.139.288
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>177</b>	<b>278</b>

**VII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính**

- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận đang thực hiện đàm phán mua lại 49% cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO Quảng Trị.

- Theo Biên bản họp ĐHĐCĐ Thường niên 2016 số 01/2016/BIDICO/BB-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2016 của Công ty đã thông qua phương án phát hành 55.376.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ (tương đương 553.760.000.000 đồng) để bổ sung vốn đầu tư; và phương án phát hành 250.000 trái phiếu chuyển đổi (tương đương 250.000.000.000 đồng) để trên khai góp vốn vào Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu thực hiện dự án Khu đô thị Tân Bửu 243 ha tại phường Tân Vạn, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Nhóm Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Bà Nguyễn Thị Mai	Nhà đầu tư	Phải trả khác	(8.391.905.082)
		Phải thu khác	12.326.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	Phải trả khác	(5.871.998.000)

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Ban Giám đốc Công ty		Thu nhập	720.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**3. Báo cáo bộ phận**

Tại ngày 31/12/2016, Nhóm Công ty chủ yếu cùng hoạt động trong một khu vực địa lý thuộc tỉnh Bình Thuận, nên Nhóm Công ty có báo cáo hoạt động các bộ phận kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	<b>Cho thuê đất, cơ sở hạ tầng</b>	<b>Bán hàng hóa, thành phẩm</b>	<b>Loại trừ</b>	<b>Hợp nhất</b>
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	-	140.437.427.260	-	140.437.427.260
Giữ các bộ phận	-	24.869.235.403	(24.869.235.403)	-
<b>Tổng cộng doanh thu thuần</b>	-	<b>165.306.662.663</b>	<b>(24.869.235.403)</b>	<b>140.437.427.260</b>
Lợi nhuận gộp	-	26.395.295.974	(1.027.459.956)	25.367.836.018
Chi phí hoạt động	-	21.617.090.496	(1.027.459.956)	20.589.630.540
Thu nhập tài chính	-	4.763.618.908	(2.620.100.779)	2.143.518.129
Chi phí tài chính	-	6.015.288.738	(1.413.804.953)	4.601.483.785
Lợi nhuận / (lỗ) khác	-	7.166.533.911	-	7.166.533.911
Lợi nhuận đầu tư LD, LK	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	-	<b>10.693.069.559</b>	<b>(1.206.295.826)</b>	<b>9.486.773.733</b>

<b>Tài sản và nợ phải trả</b>	<b>Cho thuê đất, cơ sở hạ tầng</b>	<b>Bán hàng hóa, thành phẩm</b>	<b>Loại trừ</b>	<b>Hợp nhất</b>
Tài sản của bộ phận	768.179.296.935	652.480.899.714	(595.404.738.839)	825.255.457.809
Tài sản thuế hoãn lại	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>768.179.296.935</b>	<b>652.480.899.714</b>	<b>(595.404.738.839)</b>	<b>825.255.457.809</b>

<b>Nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>165.091.824.574</b>	<b>162.853.232.699</b>	<b>(113.547.028.904)</b>	<b>214.398.028.369</b>
--------------------------------	------------------------	------------------------	--------------------------	------------------------

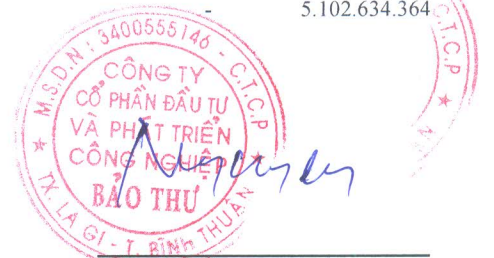
Tăng tài sản cố định	-	25.649.650.639	-	25.649.650.639
Chi phí khấu hao	304.235.413	4.798.398.951	-	5.102.634.364



Nguyễn Thị Hương  
 Người lập biểu



Lê Văn Thập  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 02 năm 2017